

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Chủ đầu tư: Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6. Địa chỉ: Số 386C, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Tên gói thầu: **Hiệu chuẩn thiết bị.**
- Tên dự toán: **Hiệu chuẩn, bảo trì và thẩm định thiết bị.**
- Nguồn vốn: Thu sự nghiệp.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Nội dung các công việc chính của gói thầu: Hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm định và bảo trì thiết bị.

2. Mục tiêu công việc: Hiệu chuẩn thiết bị phục vụ kiểm nghiệm.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu

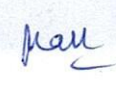
TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là “Đạt”
I	Yêu cầu chung	- Nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ) phải được công nhận ISO/IEC 17025: 2017 đầy đủ các thông số phù hợp với các thiết bị được hiệu chuẩn, thử nghiệm và chứng chỉ công nhận còn hiệu lực. Có bảng đối chiếu giữa danh mục công nhận ISO/IEC 17025: 2017 của nhà thầu với danh mục thiết bị yêu cầu hiệu chuẩn, thử nghiệm của chủ đầu tư. - Nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ) phải đăng ký lĩnh vực hoạt động đầy đủ các thông số phù hợp với các thiết bị được hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm và giấy chứng nhận còn hiệu lực. Có bảng đối chiếu giữa danh mục đăng ký lĩnh vực hoạt động của nhà thầu với danh mục thiết bị yêu cầu hiệu chuẩn, thử nghiệm của chủ đầu tư. - Nhà thầu phải có cam kết: Đối với các thiết bị hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm thực hiện tại nhà thầu thì nhà thầu phải cử nhân viên đến trung tâm để nhận và trả thiết bị. Các thiết bị còn lại hiệu chuẩn tại Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6 (TTV6) - Nhà thầu (hoặc nhà thầu phụ) phải liệt kê danh mục thiết bị, hóa chất, chất chuẩn dùng để hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm thiết bị và cung cấp hồ sơ chứng minh các thiết bị, hóa chất, chất chuẩn sử dụng cho việc hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm định vẫn còn hiệu lực hiệu chuẩn, hạn sử dụng.



TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là “Đạt”
II	Yêu cầu cụ thể	
1	Lò nung (01 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 03 cái Vị trí hiệu chuẩn: 550 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
2	Máy đo độ dẫn điện	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn dây Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
3	Cân kỹ thuật	Số lượng: 08 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn dây cân Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
4	Cân phân tích	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn dây cân Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
5	Nhiệt kế điện tử (05 đầu dò)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: - 04 đầu dò mức: -20; 5 và 20 ⁰ C - 01 đầu dò mức: 80; 101; 180 và 550 ⁰ C Tần suất: 1 lần/ năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
6	Nhiệt kế chỉ thị (đo tâm sản phẩm) -10; -5; 0; 5; 10 độ C	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: -10; -5; 0; 5; 10 ⁰ C Tần suất: 1 lần/ năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
7	Nhiệt kế hồng ngoại (-10; -5; 0; 5; 10 độ C)	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: -10; -5; 0; 5; 10 ⁰ C Tần suất: 1 lần/ năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
8	Nhiệt ẩm kế (Nhiệt độ: 20, 25, 30, 35 độ C; ẩm độ 40, 60, 80 %RH)	Số lượng: 12 cái Vị trí hiệu chuẩn: Nhiệt độ: 20; 25; 30 và 35 ⁰ C; ẩm độ: 40; 60 và 80%RH Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
9	Nhiệt ẩm kế và đầu dò nhiệt (03 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 20 cái Vị trí hiệu chuẩn: -20; 5 và 20 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
10	pH kế 1 điện cực (03 điểm pH)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: pH4; pH7 và pH10 Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
11	pH kế (2 điện cực) (03 điểm pH/điện cực)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: pH4; pH 7 và pH10 Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
12	Thiết bị đo quang phổ UV-vis	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn dây (ít nhất bao gồm các

Ch  Mau

TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là “Đạt”
		thông số sau: Bước sóng và độ hấp thụ) Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
13	Tủ sấy chân không (01 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 80 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
14	Tủ sấy (03 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 101; 105 và 180 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
15	Tủ sấy (02 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 101 và 105 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
16	Tủ sấy (01 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 105 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
17	Tủ ẩm (01 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 20 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
18	Tủ ẩm (02 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 20 và 37 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
19	Bộ làm khô bằng khí Ni tơ (02 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 50 và 110 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
20	Bộ làm khô bằng khí Ni tơ (04 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 03 cái Vị trí hiệu chuẩn: 50; 80; 110 và 150 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
21	Bể điều nhiệt có lắc (02 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: 45 và 80 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
22	Bể điều nhiệt thường (02 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 03 cái Vị trí hiệu chuẩn: 02 điểm nhiệt độ trong khoảng nhiệt độ từ 30 ⁰ C đến 95 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
23	Thiết bị đo BOD	Số lượng: 01 bộ Vị trí hiệu chuẩn: 20 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
24	Máy đo độ đục	Số lượng: 02 bộ Vị trí hiệu chuẩn: toàn dãy

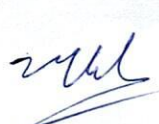
TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là “Đạt”
		Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
25	Hiệu chuẩn, bảo trì hệ thống ELISA	Số lượng: 02 hệ Vị trí hiệu chuẩn: toàn dây Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu hoặc tại TTV6
26	Nhiệt kế thủy tinh max (01 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 03 cái Vị trí hiệu chuẩn: 121 ⁰ C Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
27	Nhiệt kế thủy tinh max (02 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 07 cái Vị trí hiệu chuẩn: 118 và 121 ⁰ C (01 cái); 0 ⁰ C và 121 ⁰ C (06 cái) Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
28	Nhiệt kế thủy tinh max (03 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: 0; 115 và 121 ⁰ C Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
29	Nhiệt kế điện tử 02 đầu dò (1 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: - Đầu dò 01: 160 ⁰ C - Đầu dò 02: 160 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
30	Nhiệt kế điện tử 17 đầu dò (40 điểm nhiệt độ dương, 3 điểm nhiệt độ -20 ⁰ C, 1 điểm nhiệt độ âm -70 ⁰ C)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: - Đầu dò 01: 22 ⁰ C - Đầu dò 02: 20; 25 ⁰ C - Đầu dò 03: 30; 32.5 ⁰ C - Đầu dò 04: 30; 37 ⁰ C - Đầu dò 05: 35; 37 ⁰ C - Đầu dò 06: 30; 37 ⁰ C - Đầu dò 07: 37 ⁰ C - Đầu dò 08: -20; 37 ⁰ C - Đầu dò 09: 41.5; 44.5 ⁰ C - Đầu dò 10: 5; 44 ⁰ C - Đầu dò 11: 50; 55 ⁰ C - Đầu dò 12: 42; 45; 46; 75 ⁰ C - Đầu dò 13: -20; 37; 44; 160 ⁰ C - Đầu dò 14: 32.5; 37; 160 ⁰ C - Đầu dò 15: -20; 5; 30; 45; 160 ⁰ C - Đầu dò 16: 36; 60; 65; 75; 80 ⁰ C - Đầu dò 17: -70; 37; 95 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
31	Nhiệt kế hồng ngoại (1 điểm nhiệt hồng ngoại âm, 1 điểm nhiệt hồng ngoại dương)	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: - Hồng ngoại: -20; 5 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm

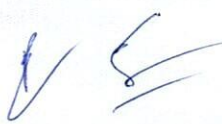
Nguyễn Chí Thanh

TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là “Đạt”
		Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
32	Ấm – nhiệt kế (40; 60; 80%RH/ 24 ⁰ C), 2 lần/năm	Số lượng: 12 cái Vị trí hiệu chuẩn: 40; 60; 80%RH/ 24 ⁰ C Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
33	Transferpipet 0.1-2ul (toàn dãy)	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn thể tích (100% và 50%) Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
34	Transferpipet 0.5-10ul (toàn dãy)	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn thể tích (100% và 50% và 10%) Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
35	Transferpipet 2-20ul (toàn dãy)	Số lượng: 05 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn thể tích (100%; 50% và 10%) Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
36	Transferpipet 10-100ul (toàn dãy)	Số lượng: 03 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn thể tích (100%; 50% và 10%) Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
37	Transferpipet 20-200ul (toàn dãy)	Số lượng: 06 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn thể tích (100%; 50% và 10%) Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
38	Transferpipet 100-1000ul (toàn dãy)	Số lượng: 06 cái Vị trí hiệu chuẩn: toàn thể tích (100%; 50% và 10%) Tần suất: 2 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
39	Bể điều nhiệt (1 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 07 cái Vị trí hiệu chuẩn: 44.5 ⁰ C (01 cái); 41.5 ⁰ C (04 cái); 45 ⁰ C (02 cái) Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
40	Bể điều nhiệt (2 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 44 và 46 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
41	Bể điều nhiệt (4 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 60; 65; 75; 80 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
42	Nồi hấp tiệt trùng (1 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 09 cái - Vị trí hiệu chuẩn: + Nhiệt độ: 121 ⁰ C

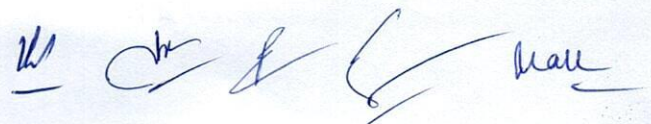


TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là “Đạt”
		+ Áp suất buồng hấp: tại mức nhiệt 121 ⁰ C - Kiểm soát thời gian thanh trùng: 30 phút Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
43	Nồi hấp tiệt trùng (2 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 03 cái - Vị trí hiệu chuẩn: + Nhiệt độ: 118 ⁰ C và 121 ⁰ C (01 cái); 115 ⁰ C và 121 ⁰ C (02 cái) + Áp suất buồng hấp: tại mức nhiệt 118 ⁰ C và 121 ⁰ C (01 cái); 115 ⁰ C và 121 ⁰ C (02 cái) - Kiểm soát thời gian thanh trùng: 30 phút Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
44	Tủ ủ (1 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 13 cái Vị trí hiệu chuẩn: 25 ⁰ C (01 cái); 30 ⁰ C (01 cái); 37 ⁰ C (10 cái); 44 ⁰ C (01 cái) Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
45	Tủ ủ (2 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 12 cái Vị trí hiệu chuẩn: 22 và 25 ⁰ C (01 cái); 20 và 22 ⁰ C (01 cái); 30 và 37 ⁰ C (02 cái); 37 và 42 ⁰ C (01 cái); 41.5 và 44 ⁰ C (01 cái); 37 và 44 ⁰ C (03 cái); 30 và 32.5 ⁰ C (01 cái); 32.5 và 35 ⁰ C (01 cái); 50 và 55 ⁰ C (01 cái) Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
46	Tủ sấy tiệt trùng (1 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 06 cái Vị trí hiệu chuẩn: 160 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
47	Cân 2 số lẻ	Số lượng: 02 cái Loại cân: 2 số lẻ (max: 2200gram) Vị trí hiệu chuẩn: toàn dãy cân Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
48	Cân phân tích 4 số lẻ	Số lượng: 01 cái Loại cân: 4 số lẻ (max: 220gram) Vị trí hiệu chuẩn: toàn dãy cân Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
49	Cân phân tích 5 số lẻ	Số lượng: 01 cái Loại cân: 5 số lẻ (max: 220gram) Vị trí hiệu chuẩn: toàn dãy cân Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
50	Nhiệt kế chuẩn 3 số lẻ (-20 ⁰ C; 0 ⁰ C; 30 ⁰ C; 37 ⁰ C; 44 ⁰ C)	Số lượng: 02 cái Vị trí hiệu chuẩn: -20 ⁰ C; 0 ⁰ C; 30 ⁰ C; 37 ⁰ C; 44 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
51	Bộ quả cân F1 (1g - 5Kg), 16 quả	Số lượng: 01 bộ






TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là “Đạt”
		Vị trí hiệu chuẩn: toàn bộ quả cân Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
52	Máy ủ mẫu (2 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 04 cái Vị trí hiệu chuẩn: 65 và 95 ⁰ C (02 cái); 37 và 95 ⁰ C (02 cái) Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
53	Máy ly tâm lạnh	Số lượng: 03 cái Vị trí hiệu chuẩn: tốc độ vòng quay toàn dãy Kiểm soát nhiệt độ buồng gia nhiệt ở 4 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
54	Tủ an toàn sinh học cấp II	Số lượng: 05 cái Vị trí hiệu chuẩn hoặc kiểm tra, thử nghiệm: toàn dãy [ít nhất bao gồm các thông số sau: tính nguyên vẹn của màng lọc và rò rỉ không khí cảm ứng (kích thước hạt và độ rò rỉ hoặc hiệu suất màng lọc), tốc độ gió (vận tốc dòng khí), cường độ ánh sáng tím UV, cường độ ánh sáng khả kiến (độ rọi) và độ ồn] Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
55	Tủ hút	Số lượng: 03 cái Vị trí hiệu chuẩn hoặc kiểm tra, thử nghiệm: toàn dãy [ít nhất bao gồm các thông số sau: cường độ ánh sáng khả kiến (độ rọi), cường độ ánh sáng tím UV, độ ồn, tốc độ gió (vận tốc dòng khí)] Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
56	Bộ nguồn điện di gel	Số lượng: 03 cái Vị trí hiệu chuẩn: điện thế toàn dãy Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: TTV6
57	Nhiệt kế + 3 đầu dò (5 điểm nhiệt độ dương, 1 điểm nhiệt độ âm)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: - Đầu dò 01: 65 và 95 ⁰ C - Đầu dò 02: 37 và 95 ⁰ C - Đầu dò 03: - 70 và 105 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
58	Nhiệt kế + đầu dò (1 điểm nhiệt độ dương)	Số lượng: 30 cái Vị trí hiệu chuẩn: 5 ⁰ C (07 cái); 22 ⁰ C (01 cái); 30 ⁰ C (02 cái); 37 ⁰ C (08 cái); 41.5 ⁰ C (04 cái); 44 ⁰ C (01 cái); 44.5 ⁰ C (01 cái); 45 ⁰ C (02 cái); 121 ⁰ C (04 cái) Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
59	Nhiệt kế + đầu dò (2 điểm nhiệt độ)	Số lượng: 17 cái



TT	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là “Đạt”
	dương)	Vị trí hiệu chuẩn: 20 và 22 ⁰ C (01 cái); 24 và 30 ⁰ C (01 cái); 22 và 25 ⁰ C (01 cái); 32.5 và 35 ⁰ C (01 cái); 30 và 32.5 ⁰ C (01 cái); 30 và 37 ⁰ C (04 cái); 37 và 42 ⁰ C (01 cái); 37 và 44 ⁰ C (02 cái); 41.5 và 44 ⁰ C (01 cái); 42 và 45 ⁰ C (01 cái); 44 và 46 ⁰ C (01 cái); 50 và 55 ⁰ C (01 cái); 115 và 121 ⁰ C (01 cái) Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
60	Nhiệt kế + đầu dò (4 điểm nhiệt độ dương)	Số lượng: 01 cái Vị trí hiệu chuẩn: 60; 65; 75; 80 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
61	Nhiệt kế + đầu dò (1 điểm nhiệt độ âm)	Số lượng: 07 cái Vị trí hiệu chuẩn: -20 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
62	Nhiệt kế + đầu dò (1 điểm nhiệt độ âm, 1 điểm nhiệt độ dương)	Số lượng: 07 cái Vị trí hiệu chuẩn: -20 và 5 ⁰ C Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm hiệu chuẩn: tại nhà thầu
63	Kiểm định an toàn áp suất nồi hấp	Số lượng: 07 cái Kiểm định áp kế, van an toàn, bề dày thành nồi hấp Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm kiểm định: TTV6
64	Kiểm định đồng hồ đo áp suất (nồi hấp, bình khí nén)	Số lượng: 06 cái Kiểm định đồng hồ đo áp suất Tần suất: 1 lần/năm Địa điểm kiểm định: TTV6

4. Giải pháp và phương pháp luận: /

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

Dán tem và cấp giấy chứng nhận cho các thiết bị đạt yêu cầu.

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]